

Gần đây, IMF đã cho thiết lập thêm 2 loại cho vay là cho vay điều chỉnh cơ cấu (SAF: Structure adjustment facility) và cho vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng (ESAF: enhanced structural adjustment facility).

Cho vay điều chỉnh cơ cấu (SAF)

Ban điều hành của IMF đã thiết lập loại cho vay này vào tháng 03.1986 để giúp cân bằng cán cân thanh toán của những nước đang phát triển có thu nhập thấp. SAF được tài trợ từ tài khoản chi đặc biệt do các nước thành viên IMF hoàn lại các khoản vay của quỹ tín dụng. Các nguồn sẵn có để sử dụng cho SAF là khoảng 2,7 tỷ SDR (ISDR khoảng 1,4 USD).

SAF cho phép hỗ trợ

trong 3 năm: năm đầu 15%, năm thứ hai 20% và năm thứ 3 là 15%. Lãi suất cho các khoản vay SAF là 0,5%/năm; trả nợ 6 tháng 1 lần, bắt đầu tháng thứ 6 của năm thứ 5 và kết thúc vào 10 năm sau của mỗi lần vay (nói chung thời hạn vay 10 năm, ân hạn 5 năm).

Với sự giúp đỡ của các chuyên gia IMF và WB, một nước thành viên muốn hội đủ điều kiện vay SAF phải lập đề cương chính sách cho chương trình điều chỉnh cơ cấu trong 3 năm. Đề cương phải nêu rõ các mục tiêu, các ưu tiên và biện pháp của chương trình điều chỉnh cơ cấu mà chính phủ dự định thực hiện trong 3 năm đó, xác định nhu cầu tài chính từ bên ngoài và các nguồn tài chính có thể có trong nước đồng thời cũng dự định

và các món nợ nước ngoài. Nếu chương trình đi lệch đường đã vạch ra thì việc điều chỉnh cần thiết sẽ được thực hiện trong chương trình năm kế tiếp.

Cho vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng (ESAF)

Các mục tiêu, điều kiện cần thiết và các thủ tục cơ bản của ESAF cũng tương tự như SAF. Sự khác nhau chủ yếu là việc giám sát, tính mạnh mẽ của chương trình cũng như việc sử dụng, quản lý khoản vay ESAF. Những biện pháp điều chỉnh được chấp nhận cho vay ESAF có tham vọng duy trì sự phát triển và kéo dài cân đối cán cân thanh toán trong 3 năm. Có 61 nước thành viên hội đủ điều kiện cần thiết ban đầu để vay SAF đồng thời cũng đủ tư cách vay ESAF. Vào

cách ban đầu và khoảng 60% quota cho 11 thành viên mới.

Các khoản vay ESAF được hoàn trả trong 10 lần, 6 tháng 1 lần, bắt đầu tháng thứ 6 của năm thứ 5 và kết thúc vào năm thứ 10 sau ngày vay. Tỷ lệ lãi suất ESAF là 0,5%/năm.

Việc giám sát các ESAF tương tự như ASF, được thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính và cơ cấu, hàng quý.

Các khoản vay ESAF được chi 6 tháng 1 lần theo thỏa thuận cho vay hàng năm. Lần đầu sau khi IMF chấp thuận cho vay ESAF; các lần sau phụ thuộc việc tôn trọng các tiêu chuẩn hoạt động và việc hoàn tất kiểm tra giữa kỳ.

Năm 1990, Ban điều hành đã đánh giá khả năng tăng thêm nguồn của ESAF do bố trí cho vay chia từng kỳ, do đó số tiền cho vay có thể được tăng lên vào dịp kiểm tra giữa kỳ, nhằm giúp các nước thành viên đương đầu với các cơn sốt bên ngoài.

Hai loại cho vay SAF và ESAF phải được sự thống nhất giữa IMF và WB.

Quan hệ Việt Nam và IMF

CHXHCNVN là thành viên của IMF (kế thừa từ chính quyền Sài Gòn 1976), cổ phần đóng góp của ta là 241,6 triệu SDR. VN có nghĩa vụ về số nợ 140 triệu USD của chính quyền Sài Gòn.

Từ năm 1976-1982, IMF cho VN vay khoảng 250 triệu USD, ta đã tích cực trả xong số nợ đến hạn, nhưng số nợ quá hạn 140 triệu USD trên vẫn chưa được giải quyết được, nên IMF đã quyết định ngưng cho VN vay tiền gần 10 năm nay (kể từ 01.1984).

Trong những năm gần đây, IMF đánh giá VN có nhiều thiện chí và thái độ tích cực nhằm giải quyết nợ quá hạn nên ngày 8.9.92, IMF thông báo chấm dứt hiệu lực của quyết định không cho VN sử dụng quyền rút vốn đặc biệt SDR (quyết định này ký ngày 3.12.1984).

Tuy nhiên điều kiện để VN được vay tiền IMF trở lại là phải trả nợ cũ và thực

IMF VÀ HAI LOẠI CHO VAY MỚI : SAF VÀ ESAF

PHẠM VĂN NĂNG
ĐHKT. TP. HCM

các chương trình điều chỉnh cơ cấu trung hạn và kinh tế vĩ mô của các nước thành viên có thu nhập thấp, cán cân thanh toán thiếu hụt kéo dài. Mục tiêu của SAF là giúp các nước này tạo nên những điều kiện để phát triển, cải thiện cán cân thanh toán và tạo ra những điều kiện thuận lợi trong quan hệ với các nước chủ nợ, giảm bớt sự hạn chế về thương mại và thanh toán.

Trong số 61 nước thành viên đủ điều kiện cần thiết để vay SAF vào năm 1987, có 2 nước lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ dù họ không có ý định vay SAF nhưng họ vẫn đủ tư cách để làm điều đó.

Cho tới ngày 31.8.93, có 36 nước đã sử dụng SAF với tổng số tiền là 1,5 tỷ SDR (khoảng 2,1 tỷ USD).

Tổng số tiền mỗi thành viên đủ điều kiện được vay SAF là 50% cổ phần đóng góp của họ vào IMF (quota). Việc cho vay được thực hiện

những phương thức thu hút, phối hợp sự trợ giúp kỹ thuật và tài chính từ bên ngoài đối với chương trình điều chỉnh. Đề cương chính sách được cập nhật hàng năm trong thời gian 3 năm.

Khoản cho vay đầu tiên được thực hiện ngay sau khi Ban điều hành chấp thuận cho vay SAF trong 3 năm và cho vay năm thứ 1 kèm theo.

Theo yêu cầu của loại cho vay này, nước thành viên phải giới thiệu một chương trình trong đó mô tả những mục tiêu và chính sách đặc trưng trong giai đoạn 3 năm và chương trình từng năm. Từ đó các khoản vay lần 2 và 3 được thực hiện, sau khi IMF chấp thuận các khoản cho vay cho từng năm tương ứng.

Việc tiến hành chương trình hàng năm được thực hiện dựa trên những chỉ tiêu phản ánh lại những yếu tố cơ bản của chương trình như các chỉ tiêu về tiền tệ, ngân sách nhà nước

tháng 4.1992. Ban điều hành IMF tăng thêm cho danh sách này 11 thành viên có thu nhập thấp.

Tính đến 31.8.1993, 29 nước đã sử dụng ESAF, tổng số tiền thỏa thuận lên đến 3,2 tỷ SDR (khoảng 4,5 tỷ USD) với các khoản đã cho vay là 2,4 SDR (khoảng 3,8 tỷ USD). Các khoản cho vay của ESAF được cấp từ tài khoản tín dụng ESAF, nguồn thu được từ sự đóng góp đặc biệt dưới dạng cho vay và quà tặng của các nước thành viên với tổng số gần 6 tỷ SDR.

Quyền được vay ESAF thay đổi từng nước tùy theo sự khó khăn khác nhau của cán cân thanh toán và sức mạnh của các nỗ lực điều chỉnh của nước đó.

Một nước thành viên có thể vay tới đa 190% quota trong 3 năm, các trường hợp ngoại lệ lên tới 255% quota. Trung bình quyền được vay ESAF khoảng 110% quota đối với các thành viên đủ tư

hiện điều chỉnh kinh tế theo khuyến cáo IMF.

Sau khi được "Nhóm bạn VN" mà nòng cốt là Pháp giúp trả xong nợ quá hạn, ngày 6.10.93 IMF đã quyết định cho VN vay trở lại, đến nay IMF đã loan-báo chấp thuận cho VN vay khoảng 230 triệu USD (1 phần sẽ được dùng trả số nợ bắc cầu và 13 triệu USD nợ của ADB); tiếp theo IMF là ADB đã chính thức thông báo cho VN vay 262 triệu USD, rồi đến WB cũng đã quyết định cho ta vay 228,5 triệu USD. Các khoản vay của 3 tổ chức tài chánh quốc tế nêu trên nhằm mục đích chính là nâng cấp cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, bến cảng, hệ thống cấp nước, hệ thống giáo dục bậc tiểu học; về thời hạn vay có thể kéo dài đến 40 năm với chi phí điều hành 1%/năm (không tính lãi).

Mặt khác từ đầu năm 1991 các chuyên gia IMF đã đến VN giúp ta soạn thảo các văn bản về chính sách để làm cơ sở cho vay SAF và ESAF. Nếu được chấp thuận, khả năng sử dụng 2 loại cho vay này có thể đến vài trăm triệu USD hàng năm (theo cổ phần đóng góp) và lẽ tất nhiên ta cần thiết phải tranh thủ 2 loại vay SAF và ESAF vì thời hạn tương đối dài, lãi suất thấp.

Về phía ta, cũng cần lưu ý, với số lượng USD to lớn, cả tỷ USD mỗi năm đổ vào VN, liệu nền kinh tế có tiêu hóa tốt không? Một lưu ý nữa là muốn sử dụng SAF và ESAF ta phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế (tiêu chuẩn IMF) điều đó phải nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, không làm cản trở yêu cầu ổn định chính trị, xã hội.

Cuối cùng, phải sử dụng vốn vay có hiệu quả, phải xử lý tốt các nguồn tài trợ để cho các món nợ phải đi vay không lãng phí ♣

Tham khảo

- IMF Survey October 1993
- Tài liệu tham khảo đặc biệt tháng 10&11.93, TTXVN
- Báo Nhân dân, 10.7, 18.12.93

VIỆT NAM TỪ SAU NHỮNG CẢI CÁCH KINH TẾ

ĐẾN NHỮNG HƯỚNG ĐI THIẾT THỰC



TRỊNH KIM ANH

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại TP. HCM

NHỮNG CẢI CÁCH KINH TẾ CHÍNH

Từ đầu năm 1980, VN tiến hành hàng loạt các cải cách kinh tế. Có thể chia làm 3 giai đoạn chính:

Giai đoạn 1 từ 1980-1985; giai đoạn 2 bắt đầu từ Nghị quyết 6 của BCH TW Đảng vào tháng 9.1986 và giai đoạn cuối cùng từ 1988 cho đến nay, bắt đầu bằng các việc đánh giá tài chính và củng cố hệ thống tiền tệ qua ngân hàng Nhà nước.

Cải cách kinh tế 1980-1985

Hệ thống thu hẹp quản lý đưa vào ngành nông nghiệp đầu tiên 1979. Tức là chế độ giao khoán đất cho từng nhà nông. Tuy nhiên cơ chế hợp tác xã vẫn còn nhiều gò bó và lệch lạc và không thích ứng từng địa phương, các đầu vào cũng do nhà nước cung cấp, theo từng đơn vị diện tích và năng suất đã giao khoán cho từng người. Từ 1980-1985, do có thêm những khuyến khích nỗ lực cá nhân và kinh tế phụ gia đình, sản xuất nông nghiệp tăng được 5% đến 10%. Tuy vậy vẫn còn nhiều "so le" vì còn phụ thuộc nhiều tính chất thời tiết, địa dư, sự phân bố đầu vào từng địa phương.

Lãi suất thương mại lúc này là 50% một năm; lạm phát vào khoảng 300% làm cho lãi suất càng ngày càng là con số âm, tiền mặt đi ra khỏi ngân hàng. Sự thiếu thốn nguồn tiền mặt là vấn đề khó khăn đối với các doanh nghiệp. Kết quả thu nhập nông dân giảm xuống, sản xuất nông nghiệp trở thành

viễn cảnh u ám đối với người dân. Mức sản xuất xuống đến 1,3% vào 1987 từ 5,2% vào 1985. Khủng hoảng hàng lương thực xuất hiện.

Những cải cách ngân hàng 1986-1987

Giai đoạn này, ngân hàng nhà nước đóng vai trò bị động trong việc phát triển kinh tế, chỉ là người thầu ngân cho Bộ tài chánh không hơn không kém. Cũng như các nước XHCN khác, Ngân hàng nhà nước chịu sự lãnh đạo và chỉ phối của chính phủ. Việc kiểm soát tiền tệ và tín dụng do HĐBT quyết định-quyết định kế hoạch tín dụng và tiền mặt hàng năm trong toàn bộ nền kinh tế, từ việc phân bổ nguồn vốn cho vay và các khoản tín dụng đầu tư. Đến giữa năm 1987, Ngân hàng nhà nước gồm 41 chi nhánh ở 37 tỉnh và 4 thành phố chính. Đến năm 1987 mới có những cải cách về ngân hàng. Chức năng giữa Ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại được phân biệt. Ngân hàng nhà nước mới được giao cho nhiệm vụ điều tiết nguồn tiền tệ và tín dụng lưu thông, và là người bảo vệ quốc tệ. Các quy định phù hợp được đưa vào áp dụng tại các ngân hàng thương mại. Có 4 ngân hàng thương mại (tức ngân hàng chuyên biệt) thuộc Ngân hàng nhà nước. Ngân hàng ngoại thương quản lý các dịch vụ và hoạt động thương mại trong khối kinh tế đối ngoại. Ngân hàng xây dựng và đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng và phân bổ ngân sách đến từng dự án. Hai ngân hàng mới là Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Công thương, cũng đảm nhiệm chức năng ngân hàng trong nền thương mại. Tuy nhiên hiện nay, nguồn vốn cấp cho 4 ngân hàng do các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp quốc doanh thực hiện, và việc quản lý thì do các nhà quản lý do chính phủ bổ nhiệm. Cùng kỳ này,